

LƯỢC SỬ PHẬT GIÁO
Võ Quang Nhân (Làng Đậu)

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 6-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

1. Bối cảnh lịch sử Ấn Độ trước Phật giáo
2. Giai đoạn sơ khai và Giáo hội đầu tiên
 - 2.1 Giai đoạn sơ khai
 - 2.2 Tổ chức giáo hội đầu tiên
3. Các Hội nghị kết tập kinh điển chính
 - 3.1 Kết tập lần thứ I
 - 3.2 Kết tập lần thứ II
 - 3.3 Vua Asoka và Kết tập kinh điển lần thứ III
4. Về khái niệm Tiểu thừa
5. Nguyên do suy tàn của Phật giáo tại Ấn Độ
 - 5.1 Sự phân hoá trong Phật giáo ở Ấn Độ
 - 5.2 Phật giáo và quan hệ với Ấn giáo (Hindu)
 - 5.3 Sự bành trướng có tính cách bạo động của Hồi giáo
6. Các di tích, di chỉ, và trung tâm Phật giáo quan trọng trong lịch sử
 - 6.1 Ấn Độ
 - 6.2 Sri Lanka (Tích Lan)
 - 6.3 Nepal
 - 6.4 Afghanistan (A Phú Hãn)
 - 6.5 Tây Tạng
 - 6.6 Miến Điện
 - 6.7 Trung Hoa
 - 6.8 Việt Nam
 - 6.9 Triều Tiên
 - 6.10 Thái Lan
 - 6.11 Campuchia
 - 6.11 Nhật Bản
7. Phật giáo ngày nay
 - Đạo Phật ở các nước Tây phương
8. Tóm tắt các diễn biến trong lịch sử Phật giáo
 - Sự phát triển của Phật giáo thời vua Asoka
9. Tài liệu Tham khảo

---o0o---

Phật giáo là một tôn giáo được đức Thích Ca Mâu Ni (Shakyamuni) truyền giảng ở miền bắc Ấn Độ vào thế kỷ thứ 6 TCN. Do đạo Phật được truyền đi trong một hơn hay 2500 năm và lan ra nhiều nơi cho nhiều chủng tộc nên lịch sử phát triển của nó khá đa dạng về các bộ phái cũng như là các nghi thức và phương pháp tu học. Ngay từ buổi đầu, đức Thích Ca, người truyền đạo Phật, đã thiết lập được một giáo hội với các luật lệ hoạt động chặt chẽ của nó. Nhờ vào sự uyên chuyên của giáo pháp, đạo Phật có thể thích nghi với các hoàn cảnh chế độ xã hội, con người, và tập tục ở các thời kỳ khác nhau, nên ngày nay Phật giáo vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển ngay cả trong các nước có nền khoa học tiên tiến như Hoa Kỳ và Tây Âu.

---o0o---

1. Bối cảnh lịch sử Ấn Độ trước Phật giáo

Về địa lý, phía Bắc của Ấn Độ là dãy Hy-mã-lạp-sơn (Hymalaya) cao lớn và dài tạo nên một hàng rào cô lập các vùng bình nguyên của xứ này với các vùng còn lại. Để liên lạc với bên ngoài thì chỉ có con đường núi xuyên qua A Phú Hãn (Afghanistan). Nền văn hóa chính ngự trị thời bấy giờ là văn hóa Vệ Đà (Veda). Theo sử liệu hiện nay thì dân tộc Ấn (Veda) có chung tổ tiên với các dân tộc châu Âu là các bộ lạc du mục đã mở mang và xâm chiếm các vùng lãnh thổ Tây Bắc Ấn và lan rộng ra hầu hết bán đảo Ấn Độ khoảng 1000 năm trước Công Nguyên.

Văn hoá Vệ Đà nghiêng về thờ phụng nhiều thần thánh cũng như có các quan điểm thần bí về vũ trụ. Những sự phát triển về sau đã biến Veda thành một tôn giáo (đạo Bà La Môn) và phân hoá xã hội thành 4 giai cấp chính trong đó giai cấp Bà La Môn (hay tăng lữ) là giai cấp thống trị.

Tư tưởng luân hồi và cho rằng sinh vật có các vòng sinh tử thoát thai từ đạo Bà La Môn (hay sớm hơn từ tư tưởng Veda). Đạo này còn cho rằng tồn tại một bản chất của vạn vật đó là Brahman (hay Phạm Thiên). Do việc giai cấp tăng lữ được đề cao và được hưởng mọi ưu đãi bổng lộc trong xã hội đã tạo điều kiện cho việc phân hoá thành phần này ra rất nhiều hướng triết lý hay hành đạo khác nhau và đôi khi chống chọi phản bác nhau. Trong thời gian trước khi Thích Ca thành đạo đã có rất nhiều trường phái tu luyện. Các xu hướng triết lý cũng phân hoá mạnh như là các xu hướng khoái lạc, ngẫu

nhiên, duy vật, hoài nghi mọi thứ, huyền bí ma thuật, khổ hạnh, tu đức hạnh, tụng kinh...

Chính sự phức tạp của xã hội, các tư tưởng về nhân sinh quan vũ trụ quan khá phong phú, và sự xuất hiện của các phương thức tu tập dị biệt nhau đã là một môi trường giúp cho Thích Ca từ đó tìm ra con đường riêng cho đạo Phật về sau.

---o0o---

2. Giai đoạn sơ khai và Giáo hội đầu tiên



Điều khắc bằng đá vào thế kỉ thứ I dấu chân Phật có chạm hình bánh xe Pháp Luân

---o0o---

2.1 Giai đoạn sơ khai

Ngay sau khi thành đạo (vào khoảng giữa sau thế kỉ thứ 6 TCN - có tài liệu cho đó là vào năm 544 TCN) thì Thích Ca đã quyết định thuyết giảng lại hiểu biết của mình. 60 đệ tử đầu tiên là những người có quan hệ gần với Thích Ca hình thành tăng đoàn (hay giáo hội) đầu tiên. Sau đó, những người

này chia nhau đi khắp nơi và mang về thêm ngày càng nhiều người muốn theo tu học. Để làm việc được với một lượng người theo tu học ngày càng đông, Phật đã đưa ra một chuẩn mực cho các đệ tử có thể dựa vào đó mà thu nhận thêm người. Các chuẩn mực này phần chính là việc quy y tam bảo -- tức là chấp nhận theo hướng dẫn của chính Phật, những lời chỉ dạy của Phật (Pháp), và cộng đồng Tăng đoàn.

---o0o---

2.2 Tổ chức giáo hội đầu tiên

Trong thời còn tại thế thì giáo hội trực tiếp chịu sự hướng dẫn của Thích Ca về giáo lý và phương cách tu tập. Đây là tổ chức thống nhất, bình đẳng giữa mọi thành viên không phân biệt giới tính, tuổi tác, địa vị xã hội và có mục tiêu tối cao là đem lại giác ngộ cho mọi thành viên. Nhờ vào tổ chức chặt chẽ và qui củ nên giáo hội tránh được nhiều chia rẽ.

Kỷ luật của giáo hội dựa trên nguyên tắc tự giác. Trong các kì họp, giới luật được nêu lên, sau đó thành viên tự xét và nhận vi phạm nếu có. Những điều lệ chính được đề cập là nhẫn nhục, hành thiện tránh ác, tự chủ và kiềm chế trong ăn nói và tinh tấn.

Ngoài những người xuất gia, Phật còn có rất nhiều đệ tử tại gia (hay cư sĩ). Giới cư sĩ cũng được Phật thuyết giảng và ngược lại tham gia ủng hộ tăng đoàn về nhiều mặt.

Sau khi Phật nhập tịch thì Tôn giả Ma Ha Ca Diếp (Maha Kassapa) thay phần lãnh đạo giáo hội. Giáo hội giữ nguyên các hoạt động truyền thống của mình cho đến kì kết tập kinh điển lần thứ hai.

---o0o---

3. Các Hội nghị kết tập kinh điển chính

3.1 Kết tập lần thứ I

Lí do

Khi Phật còn sinh tiền thì các giảng thuyết đều chỉ truyền miệng. Phật lại tùy theo trình độ hiểu biết và khả năng hấp thụ để có lời giảng thích hợp. Các phương pháp dùng lại rất phong phú tùy theo hoàn cảnh và phương tiện. Do đó, sự dị biệt khó tránh khỏi trong các lời giảng.

Ngay sau khi Phật nhập diệt đã có các đệ tử cho rằng phải làm điều này, không làm điều nọ, không chịu ràng buộc tâm ý... Để tránh sự sai biệt, và bảo tồn các giáo pháp và luật lệ cho được toàn vẹn, Ma Ha Ca Diếp (Maha Kassapa) đã đề nghị kết tập và phân loại toàn bộ lời dạy của Phật lại thành kinh điển để tránh chia rẽ, sai lầm về giáo pháp.

---o0o---

Diễn biến và Kết quả

Cuộc kết tập đã được tổ chức tại Tỳ Xá Ly (Rajagriha, nay là Rajgir) gồm 500 tỳ kheo do sự trợ giúp của vua A Xà Thế (Ajatasatru) xứ Ma Kiệt Đà (Magadha) vào khoảng đầu thế kỷ thứ 5 TCN. A Nan Đà (Ananda) là người theo hầu Phật suốt 30 năm, được xem là người có trí nhớ tuyệt vời, đứng ra trì tụng lại những điều Phật giảng thuyết (bởi vậy các bộ kinh đều bắt đầu bằng câu "Tôi nghe như vậy:", lời của A Nan Đà). Còn Upali, là người thợ cạo, kể lại về giới luật.

Phương pháp kết tập được kể lại bằng trí nhớ và cũng không có ghi thành văn bản. Những điều ghi nhận này sau đó được viết lại thành 4 bộ kinh:

Kinh Trường A Hàm (Digha agama)

Kinh Trung A Hàm (Majjhima agama)

Kinh Tăng Nhất A Hàm (Anguttara agama)

Kinh Tập A Hàm (Samyutta agama)

Đây là các tài liệu cổ nhất có ghi lại cuộc đời của Phật và hoạt động của Tăng đoàn, đánh dấu bước đầu hình thành Kinh tạng và Luật tạng. Các bộ kinh văn trên cũng là căn bản cho Phật giáo nguyên thủy.

---o0o---

3.2 Kết tập lần thứ II

Lí do

Sau 100 năm (đầu thế kỷ thứ 5 TCN) thì có nhiều người muốn thay đổi một số điều chi tiết trong giới luật. Đại hội kết tập lần thứ II cốt để bàn thảo về những thay đổi này.

Đại hội còn nhằm mục đích ngăn không để các tư tưởng của các đạo khác thâm nhập vào giáo lý Phật giáo.

---o0o---

Diễn biến và Kết quả

Đại hội có 700 vị tỳ kheo, được tổ chức tại Vesali trong tám tháng dưới sự trợ giúp của vua Kalasoka. Trong đại hội những người không đồng ý với việc giữ nguyên giới luật ban đầu đã bỏ ra để tổ chức một hội nghị kết tập riêng và thành lập Đại chúng bộ (Mahāsamghika). Số người còn lại vẫn tiếp tục kết tập kinh điển, sau đó hình thành Thượng tọa bộ (Theravada).

---o0o---

3.3 Vua Asoka và Kết tập kinh điển lần thứ III



Thời vua A Dục, đạo Phật đã truyền ra ngoài Ấn Độ

Asoka (A Dục) là vua của xứ Mauryan, ra đời khoảng năm 273 TCN. Trước khi trở thành Phật tử, ông có tính khí rất hung bạo, đã giết nhiều anh em của mình để cướp ngôi vua cũng như đã xua quân chiếm lãnh thổ Kalinga (ngày nay thuộc về Orissa) phía Đông Ấn. Nhưng ngay sau đó nhờ gặp được Sa di Nigrodha, ông theo Phật giáo cải hối và làm rất nhiều điều thiện, chống lại bạo lực. Ông là người có công lớn khuyến khích Phật giáo, xây dựng hàng chục ngàn chùa chiền, bảo tháp Phật giáo cũng như xây dựng hệ thống đường xá, nhà thương cho đất nước.

Đây là giai đoạn đánh dấu sự phát triển của Phật giáo ra khỏi địa bàn nước Ấn Độ. Nhiều đoàn truyền giáo đạo Phật đã được cử đến khắp nơi từ Âu sang Á đến tận Hy Lạp, các nước tại Trung Á, tại Trung Đông cũng như Trung Quốc, Miến Điện và Tích Lan. Một tranh luận khá sôi nổi hiện nay là liệu đoàn thuyết pháp của vua Asoka đã đến được Việt Nam hay không? Câu hỏi này còn trông chờ vào việc tìm ra thêm các bằng chứng về di chỉ khảo cổ ở Việt Nam. Ngoài ra, vua Asoka còn là người bảo trợ cho kì kết tập kinh điển thứ lần thứ III.

---o0o---

Kết tập kinh điển lần thứ III và bản dịch tiếng Pali của toàn bộ Tam Tạng kinh

Lí do:

Trong thời gian vua Asoka trị vì vào giữa thế kỉ thứ 3 TCN, Phật giáo đã phát triển rộng ra nhiều nơi. Một điều tất yếu là có nhiều sự phân hóa, ngay trong đạo Phật. Tăng đoàn cũng đã bị một số người trà trộn và lạm dụng, gây nhiều bất hòa nội bộ.

Diễn biến và Kết quả: Hội nghị được chủ trì bởi Moggaliputta Tissa bao gồm 1.000 tỉ kheo ưu tú được cử đến. Hội nghị được tổ chức vào khoảng năm 325 TCN và kéo dài trong 9 tháng. Địa điểm kết tập là thành Pataliputta thuộc về xứ Maggadha dưới sự khởi xướng và giúp đỡ của vua Asoka. Đây là lần đầu tiên Tam Tạng Kinh bao gồm Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng được hoàn thành đầy đủ.

Cuối đại hội, Moggaliputta Tissa ra "Những Điểm Dị Biệt" (Kathavatthu) để bác bỏ luận thuyết không hợp lệ của một số bộ phái. Đại hội kết tập này có hạn chế là chỉ được sự công nhận về giáo pháp của tông phái Phật giáo nguyên thủy (Theravada), tông phái chiếm đa số lúc bấy giờ.

Sau đại hội, Tam Tạng kinh cùng với các chú giải được đem tới Tích Lan bởi con trai vua Asoka là Mahinda. Các kinh điển này sau đó đã được dịch sang tiếng Pali còn nguyên vẹn cho đến nay.

---o0o---

Kết tập lần thứ IV và các lần sau đó

Đối với kì kết tập lần thứ IV thì các sử liệu đã không hoàn toàn thống nhất với nhau về thời gian tính và địa điểm. Có hai thuyết đáng lưu ý là:

Thuyết thứ nhất:

Lí do:: Vua Kanishka là tín đồ trung thành với Phật giáo, rất ưa được nghe giảng kinh văn nên thường mời nhiều tu sĩ Phật giáo đến giảng kinh. Tuy nhiên, ông nhận thấy có rất nhiều sự khác biệt về các kiến giải trong Phật giáo nên khởi tâm bảo trợ cho kì kết tập lần thứ IV.

Diễn biến và Kết quả: Thời gian kết tập là vào khoảng 400 năm sau khi Phật nhập diệt (thế kỉ thứ 1). Địa điểm là vùng Kasmira miền tây bắc Ấn Độ. Hội nghị bao gồm 500 học giả giỏi về Tam Tạng kinh và do Vasamitra chủ tọa với sự trợ giúp của Parsva.

Sau khi kết tập, Vua Kanishka đã ra lệnh khắc lại toàn bộ Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng lên trên những lá đồng, bảo quản tại một nơi cố định, không cho mang ra ngoài. Tuy nhiên, những di vật này đã bị thất lạc, nay chỉ còn phần thích luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa (Abhidharma Mahavibhasa sastra) mà Trần Huyền Trang đã dịch sang tiếng Hán, gồm hai trăm quyển.

Thuyết thứ hai:

Thời gian kết tập là vào khoảng 400 năm sau khi Phật nhập Niết Bàn, do vua xứ Tích Lan là Vattagàmani hỗ trợ. Kì kết tập này đã đọc, hiệu đính và xếp lại thứ tự của Tam Tạng kinh cũng dịch lại chúng sang tiếng Pali. Thuyết này được nhiều học giả công nhận chính là kết tập lần thứ IV của Thượng Tọa Bộ (Theravada).

Các kì kết tập khác: Các lần kết tập còn lại đều là của riêng bộ phái Thượng Tọa Bộ (còn gọi là Nam Truyền) tiến hành.

Kết tập lần thứ V được tổ chức vào năm 1871, trong suốt 5 tháng tại thủ đô của Miến Điện lúc bấy giờ là Mandalay. Số người tham dự gồm 2.400 cao tăng dưới sự bảo trợ của vua Mindon. Kết quả là việc hiệu đính lại 3 tạng kinh và đem khắc trên 729 phiến đá hình vuông được cất vào trong chùa tháp Kuthodaw.

Kết tập lần thứ VI bắt đầu ngày 17 tháng 5, nhân dịp lễ Phật Đản, năm 1954, trong suốt thời gian là 2 năm. Địa điểm kết tập là phía bắc của Ngưỡng Quang, trên đồi núi Nghê Cổ. Dưới sự khởi xướng của Giáo hội Phật giáo

Miến Điện và bảo trợ của Chính phủ Miến Điện. Kết quả là sự tham khảo lại tất cả kinh điển của các nước Phật giáo Nam truyền, rồi đúc kết và đem xuất bản để truyền bá.

Theravada, còn được gọi là Phật giáo nguyên thủy hay Phật giáo Nam truyền (tiếng Phạn: Sthaviravada). Tông phái này hình thành ngay trong thế kỷ đầu tiên sau khi Thích Ca viên tịch. Chữ Theravada có nghĩa là "lời dạy của bậc trưởng thượng". Do đó nhiều sách còn gọi nhóm này là Trưởng Lão bộ. Chính xứ Sri Lanka là nơi bảo tồn được truyền thống của Theravada mặc dù đạo Phật tại đó là một kế thừa từ trung tâm Ấn Độ. Phật giáo ở Ấn đã bị suy tàn và biến mất từ thế kỉ thứ 6 do việc lan tràn của Hồi giáo và Ấn Độ giáo.



Quan Thế Âm Bồ Tát

Một hình ảnh tiêu biểu của tư tưởng Đại thừa ở các nước Đông Nam Á

Mahayana, còn có tên là Đại thừa hay Phật giáo Bắc truyền. Từ thế kỉ thứ 1 TCN các tư tưởng Đại thừa đã bắt đầu xuất hiện và thuật ngữ Mahayana, hay Đại thừa, chỉ thực sự có khi nó được đề cập trong bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharma pundarika sutra). Nói chung, ý tưởng Mahayana là có xu hướng rộng rãi và tự do hơn là các phép tắc ràng buộc của Theravada.

Đến thế kỉ thứ 3 khái niệm Mahayana mới được xác định rõ ràng qua các trước tác của bồ tát Long Thọ (Nagarjuna) trong Trung Luận (hay Trung Quán Luận), chứng minh tính không của vạn vật. Các ý này đã được Long Thọ khai triển. Bên trong Đại thừa, lại có các trường phái khác như là Madhyamaka, Yogacara.

Vajrayana còn có các tên gọi là Tantra, Mật tông, Kim cương thừa. Mật tông thường có khuynh hướng giữ bí mật các thông tin nên khó xác định được chính xác thời điểm ra đời của tông này. Nó xuất hiện vào khoảng thế kỉ thứ 6, hay chắc chắn hơn là thế kỉ thứ 7. Mật tông có rất nhiều kĩ thuật thực nghiệm trong đó bao gồm Mandala, Mantra, Mudra, Yidam, Dhyani-Buddhas, Bija, Mahamudra, Vajra và Ghanta.

Khối lượng kinh điển Mật tông rất khổng lồ chưa được biết hết. Trong đó cần kể đến đại Nhật, Kim Cang Đảnh, Tô tát địa, Du ký, Yếu lược niêm tụng

Pure Land, hay Tịnh Độ tông (Ching T'u), xuất hiện vào giữa thế kỉ thứ 4 từ sự truyền bá của sư Huệ Viễn (Hui-yuan). Tư tưởng về Tịnh Độ thì có sẵn trong Phật giáo Ấn Độ nhưng tới khi sang Trung Hoa thì nó phát triển thành một tông phái.

Kinh điển phái này phần chính là các kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà, cộng với luận Vãng sinh Tịnh độ. Phương pháp tu học có 3 nguyên tắc Tín, Nguyện và Hành. Đây là một trong các tông phái tương

đổi để tu học nên ở Đông và Nam Á có rất nhiều Phật tử trong vùng theo tông này, nhất là các người lớn tuổi.

Ch'an còn có các tên gọi là Thiền tông, Zen. Thiền là phương pháp tu tập có từ khi Thích Ca truyền giảng. Nó được Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) đem sang Trung Hoa vào đầu thế kỉ thứ 6. Đến đầu thế kỷ thứ 8 thì Thiền tông thực sự phát triển và lớn mạnh sâu rộng hơn các tông phái khác. Thiền tông cũng thường được xem là một nhánh của Đại thừa. Tuy nhiên, phương cách tu học được nhấn mạnh là việc tự nỗ lực để phá bỏ các định kiến chấp trước, các kinh nghiệm, hay lẽ lối suy diễn cũ của bản thân để trực tiếp chứng nghiệm chân lý. Do sự lớn mạnh đặc biệt, Thiền tông còn được chia ra thành nhiều tông phái nhỏ, quan trọng là Lâm Tế (Lin-chi) và Tào Động (Tsao-t'ung).

Ngoài ra các bộ phái khác tầm mức nhỏ hơn đáng kể là Luật tông (Vinaya), Duy Thức tông còn có tên là Pháp Tướng tông (Vijnānavāda hay Dharmalakṣaṇa), Thiên Thai tông (T'ien T'ai), Hoa Nghiêm tông

(Avatamsaka) hay Hiền Thủ tông, Thành Thật tông (Satyasiddhi), và Chân Ngôn tông (true-word).

---o0o---

4. Về khái niệm Tiểu thừa

Trước đây đã có một sự đánh giá không đầy đủ về các danh từ Tiểu thừa (Hinayana) và Đại thừa (Mahayana). Cả hai khái niệm trên xuất hiện vào khoảng thế kỉ thứ 1 trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Đã có một số nhầm lẫn khi nhập chung khái niệm Tiểu thừa với Thevarada (Nguyên thủy hay Trưởng lão bộ) làm một. Sự thật là Thevarada được truyền tới và phát triển ở Tích Lan vào thế kỉ thứ 3 TCN (thời vua Asoka). Trong thời gian này thì chưa hề có các khái niệm Tiểu thừa và Đại thừa. Mãi cho đến khi bộ phái Tiểu thừa hình thành ở Ấn Độ thì Thevarada hoàn toàn phát triển độc lập ở Tích Lan. Phái Tiểu thừa ngày nay đã hoàn toàn không còn tồn tại. Do đó, Hội Phật giáo Thế giới (World Fellowship of Buddhists, WFB) đã quyết định xoá bỏ danh từ này vào năm 1950 vì nó hoàn toàn không liên quan tới đạo Phật hiện diện ngày nay ở Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Campuchia, Lào ...

---o0o---

5. Nguyên do suy tàn của Phật giáo tại Ấn Độ

Sự suy tàn của đạo Phật tại Ấn Độ có thể đã bắt đầu từ thế kỉ thứ 7 và đạo Phật thực sự biến mất trên đất Ấn vào thế kỉ thứ 14. Mãi cho đến thế kỉ thứ 19 thì phong trào chấn hưng Phật giáo tại Ấn mới bắt đầu lại.

5.1 Sự phân hoá trong Phật giáo ở Ấn Độ

Từ thế kỉ thứ 7 trở đi, đạo Phật đã có nhiều phân hoá. Nhiều tông phái đã xuất hiện lại có đường lối dị biệt và nhiều lúc chia rẽ nhau. Thời gian đó, cũng là lúc ra đời các tông phái Mật tông. Các phái này đưa ra rất nhiều hình ảnh bồ tát và có nhiều hoạt động về hình thức tương tự với việc thờ cúng thần linh của Ấn giáo. Do đó, ít nhiều đã làm lu mờ các điểm đặc thù của Phật giáo. Sự bao dung và tự do của Phật giáo cũng là một tiền đề cho sự suy tàn. Các vua trong nước Ấn mặc dù rất sùng bái đạo Phật nhưng khó tìm thấy trong đạo này một vị trí tôn xưng xứng đáng. Do đó, họ có thể sẵn sàng nghe thuyết pháp nhưng vẫn không bỏ quên đạo Bà La Môn và không ngừng phát huy đạo này thay vì Phật giáo.

---o0o---

5.2 Phật giáo và quan hệ với Ấn giáo (Hindu)

Ấn độ giáo (hay Bà La Môn) là một đạo giáo ra đời từ thế kỉ 15 TCN, với một điểm đặc thù là nó sẵn sàng tiếp thu các nguyên lý hay khái niệm của đạo khác.

Một mặt, trong số tín đồ Phật giáo có rất nhiều tu sĩ phát gốc từ đạo Bà La Môn nên các tư tưởng và nề nếp của Ấn giáo có ảnh hưởng ít nhiều đến đạo Phật.

Mặt khác, quan trọng hơn là việc Ấn giáo đã mặc nhiên thu nạp các tư tưởng của Phật giáo làm thành tư tưởng Bà La Môn. (Trong đó có việc Phật Thích Ca Mâu Ni trở thành một vị tiên tri quan trọng của đạo này). Những cuộc tự đổi mới của đạo Ấn kể từ thế kỉ thứ 7 đã đem lại sinh khí cho đạo đó cũng như làm mờ nhạt dần hình ảnh Phật giáo. Sự pha trộn các tư tưởng Phật giáo vào Ấn giáo sâu và nhiều đến nỗi một người bình dân rất khó tìm được một sự phân biệt rõ ràng giữa Ấn giáo và Phật giáo. Mãi cho đến ngày nay, khi nghiên cứu về Phật giáo và Ấn giáo vẫn còn nhiều tác giả Tây phương bối rối khi phân biệt hai tôn giáo này. (Xin xem thêm Exploring Hindu-Buddhist Connections)

Ngoài ra, trong thời gian đó, với đặc tính dễ thích nghi và hợp với nhu cầu

thờ phượng của người bình dân ở Ấn, nên đạo Phật dần dà trở thành thứ yếu hay trở thành đạo của giai cấp trí thức.

---o0o---

5.3 Sự bành trướng có tính cách bạo động của Hồi giáo



Đại học Nalanda một trung tâm Phật giáo quan trọng ở Ấn Độ
(bị phá huỷ năm 1197)

Vào nửa cuối thế kỉ thứ 8, vua al-Mahdi (775-785) của triều đại Hồi giáo Abbasad đã xua quân tấn công Ấn Độ và họ đã phá huỷ, cướp bóc các tài liệu, công trình, kiến trúc Phật giáo -- trong đó quan trọng là trung tâm Phật học Valabhi (Valabhī). Mặc dù sau đó họ không tiếp tục bức hại Phật giáo nhưng dầu sao đây cũng là bước đầu trong việc huỷ hoại Phật giáo tại Ấn Độ, Afghanistan và Trung Đông.

Cho đến 1178 thì quân đội Hồi giáo của Muhammad Ghuri đã tiến hành nhiều cuộc chinh phạt Ấn Độ, hầu hết các công trình Phật giáo đã dần dà bị tiêu huỷ. Vào năm 1197 Trung tâm Phật giáo Nālandā bị huỷ diệt hoàn toàn kể cả các tạng sĩ. Vikramaśīla cũng bị chiếm năm 1203, chấm dứt toàn bộ một thời đại lịch sử của Phật giáo tại Ấn Độ.

---o0o---

6. Các di tích, di chỉ, và trung tâm Phật giáo quan trọng trong lịch sử

6.1 Ấn Độ

Là cái nôi đầu tiên của Phật giáo. Các trung tâm Phật giáo đã ra đời ngay từ thời Thích Ca truyền đạo và phát triển mạnh vào thời vua Asoka. Ngày nay, những di tích quan trọng ở Ấn Độ là:



Tháp Dhamekh di tích được xây rất sớm (thế kỉ 6 TCN)
cao 150 bộ bằng gạch nung

Bồ Đề đạo tràng (Bodhi Gaya). Đây là nơi mà Thích Ca đã ngồi thiền và thành đạo. Alexander Cunningham và các cộng sự đã tìm ra các chứng tích

về các cột trụ của đạo tràng này vào thập niên 1880. Tháp Bồ Đề ngày nay được dựng lại từ thế kỉ thứ 7. BodGaya cách thành phố Gaya 12 km bằng đường bộ. Người ta có thể đến đó qua ngõ Gaya bằng đường hàng không hay dùng xa lộ Deli-Calcuta.

Sarnath, còn gọi là Mrigadava (Deer park). Đây là nơi mà Phật bắt đầu thuyết giảng giáo lý cho 5 anh em Kiều Trần Như (vườn Lộc Uyển). Di tích còn sót lại là tháp Dhamekh được xây vào triều đại Gupta thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên. (Chữ Phạn dharmekh nghĩa là chánh pháp.)

Sarnath chỉ cách Varanasi ở Uttar Pradesh khoảng 8 km và có thể đến đó từ Varanasi bởi đường hàng không, hay xe lửa.

Kusinagara Đây là nơi mà Phật nhập niết bàn. Qua các khai quật thì người ta đã tìm thấy được các mảnh vỡ của các tượng phật và các cột trụ mà vua Asoka đã xây dựng. Nơi này ngày nay là Kasia, thuộc về Deoria của bang Utta Pradesh.

Trung tâm Phật giáo Nalanda. Đây là trường đại học Phật giáo đầu tiên trên thế giới. Nalanda nằm cách Patna 90 km. có thể đến Patna bằng đường hàng không hay đường bộ. Sau đó có thể đến Nalanda bằng đường tàu hoả. Trạm Nalanda nằm trên nhánh đường của Bhaktiyarpur-Rajgir trong phần Eastern Railway. Hoặ từ Patna, có thể dùng xe bus để đến Nalanda.

---o0o---

6.2 Sri Lanka (Tích Lan)

Ở Sri Lanka có rất nhiều các di tích Phật giáo. Quan trọng nhất bao gồm.

Anuradhapura: Đây là cố đô của Sri Lanka (thời ấy có tên là Tích Lan, hay Ceylon) có rất nhiều di tích Phật giáo. Trong số đó, đáng chú ý là: Cây bồ đề được chiết cành từ cây bồ đề gốc nơi mà Thích Ca đã thành đạo. Cây này có tuổi thọ hơn 2100 năm. Cây bồ đề chính ở Ấn đã bị huỷ hoại. Hầu hết các nhánh bồ đề hiện tại chiết ra về các nơi khác trên thế giới đều chỉ xuất phát từ cây bồ đề con này.

Đền Thuparama, đây là một trong những ngôi đền cổ nhất của Phật giáo tại Sri Lanka, xây dựng vào thế kỉ thứ 3 TCN dưới triều đại vua Devanmpiyatissa. Đền này có đặt một mảnh vụn xương vai phải của Phật.

Ngôi đền đã được trùng tu và xây lại nhiều lần. Ngôi đền hiện tại là phiên bản năm 1862.

Khu đền Ruvanveli đã được xây cất bởi vua Dutugemunu vào thế kỉ thứ 2 TCN. Đây là một kiến trúc khổng lồ cao 103 mét và chiếm chu vi 286 mét. Khu di tích này được phát hiện vào đầu thế kỉ 20 và được phục chế theo đúng kích thước ban đầu.



Tượng Phật ngồi thiền Lord Buddha
được tạc vào thế kỉ thứ 12 cao 14 mét ở Sri Lanka

Anuradhapura, cách Colombo 250 km về phía bắc. Từ Colombo có nhiều chuyến xe buýt Colombo-Anuradhapura mỗi ngày. Phương tiện tàu hỏa từ Colombo đến Anuradhapura cũng có.

Tượng Phật ngồi thiền Lord Buddha tìm thấy ở Polonnaruwa. Tượng được tạc vào thành núi đá bằng granit vào thế kỉ thứ 12 cao 14 mét. Gần đó, cũng có hai khối tượng hình sư Anan đứng khoanh tay bên cạnh Thích Ca tịch diệt trong tư thế nằm. Polonnaruwa nằm ở phía Đông Sigiriya, tốn chừng 1,5 giờ đi xe buýt.

Quần thể tượng và tranh Phật trong các hang động ở Dabulla. Đây là nơi trú ẩn của vua Valagam Bahu ở thế kỉ thứ 1 TCN. Tổng cộng hơn 80 hang động đã được các sư thời đó dùng để tọa thiền. 5 trong tổng số các hang này có nhiều tượng và tranh Phật được kiến tạo vào thời gian đó. Dambulla nằm

cách Kandy 72 km về hướng bắc và cách Anuradhapura 64 km về hướng đông nam trên đường nối hai thành phố này. Từ đường cái người ta phải đi bộ lên cao 150 mét qua các bậc đá trọc. Nên mang theo dù khi thăm viếng.

---o0o---

6.3 Nepal



Nepal cũng có nhiều trung tâm Phật giáo quan trọng như:

[Tháp được dựng từ thời vua Asoka để đánh dấu nơi Phật Thích Ca ra đời](#)

Lumbini, nơi Phật Thích Ca ra đời. Vùng di tích tìm thấy ở hướng Tây Nam là một đồng bằng ở chân của rặng núi Churia (xem thêm bản đồ trong bài Thích Ca Mâu Ni). Trước đây người ta không xác định được địa danh này. Mãi đến 1 tháng 12 năm 1886, nhà khảo cổ người Đức Dr. Alois A. Fuhrer mới tìm thấy cột tháp của vua Asoka ghi lại làm xác nhận nơi ra đời của Thích Ca Mâu Ni.

Để đến Lumbini, dùng đường hàng không từ Kathmandu tới Bhairawa. Từ nơi này có các loại xe buýt hay taxi đưa đến Lumbini cách đó 22 km. Kathmandu: Đây là thành phố mà có khoảng 1/3 số người theo Phật giáo. Đáng để ý có:

Tháp Swayambhunath (có nghĩa là "tự tại") ở Kathmandu. Nằm về phía tây của trung tâm thành phố. Tháp này đã có 2000 năm tuổi. Tháp này nằm trên đỉnh của một đồi cao 77 mét và có 350 bậc thang đi bộ. Đỉnh tháp là các khung thiếp vàng của các mắt Phật nhìn về bốn phía. Giữa hai mắt thường có thêm mắt thứ 3 tượng trưng cho khả năng thiên nhãn thông.

Tháp Bodhnath (hay Boudhanath) ở Kathmandu. Đây là tháp lớn nhất Nam Á cách 5 km về phía đông của Katmandu. Đây được xem là trung tâm Phật giáo Tây Tạng quan trọng nhất bên ngoài Tây Tạng. Trong khuôn viên của tháp có 35 thiên đường. Tháp có thể được xây vào thế kỉ thứ 14.

Có một ít đường bay đến Kathmandu. Sân bay quốc tế ở đó là Tribhuvan.

---o0o---

6.4 Afghanistan (A Phú Hãn)

Afghanistan nằm trên con đường tơ lụa (the Silk Road), đường bộ huyết mạch giao thương Á-Âu trong lịch sử loài người. Đạo Phật trước khi truyền sang Trung quốc cũng đã lan đến xứ này từ rất sớm, khoảng thế kỉ thứ 2 TCN. Vua Kaniska, một Phật tử, đã cai trị Afghanistan từ thế kỉ thứ 1 TCN. Đến thế kỉ thứ 3, thời đại vua Asoka, thì Phật giáo ở đây trở nên hưng thịnh. Một trung tâm Phật giáo quan trọng hình thành vào cuối thế kỉ thứ 1 tại nơi này là Gandhara.



Tượng Phật khổng lồ tạc vào núi đá ở Bamiyan, Afghanistan (nay không còn nữa)

Grandhara là một trung tâm Phật giáo rất lớn. Nghệ thuật Phật giáo ở đây đã đạt đến đỉnh cao. Các thành phố chính của văn minh Granhara bao gồm Zaranj, Bamiyan, Paktia, Kabul, Zabul, và Peshawar. Một trong những công trình nghệ thuật Phật giáo tiêu biểu là các tượng Phật tạc vào núi đá khổng lồ ở Bamiyan. Các công trình này được xây dựng khoảng thế kỉ 2-5. Pho tượng lớn nhất cao khoảng 52 mét (pho nhỏ hơn cao 35 mét). Nghệ thuật này chịu ảnh hưởng kiến trúc văn hoá của Hy Lạp, Ba Tư, Trung và Nam Á. Công trình đã bị phá huỷ một lần bởi Hephthalites (White Huns, Yanda, 厌哒) vào thế kỉ thứ 6. Lần đó, pho tượng lớn nhất vẫn còn. Sau đó, các tượng đã bị chính quyền Hồi giáo cực đoan Taliban phá huỷ hoàn toàn vào tháng 3 năm 2001.

Ngoài ra, trong năm 1994 thì thư viện quốc gia Anh công bố tìm được một di chỉ kinh Phật cổ lấy từ Grandhara bao gồm nhiều mảnh gốm. Tiếp sau đó, Đại học Washington (Hoa Kỳ) vào tháng 8 năm 2002 cũng tìm được thêm 8 mảnh vỡ của cùng một di chỉ này. Bản kinh Phật này, viết bằng tiếng Grandhara, được xem là bản văn tự kinh Phật lâu đời nhất (vào khoảng thế kỉ thứ 1) hiện tìm thấy. Việc nghiên cứu giải mã nội dung đã được tiến hành trong nhiều năm qua và đang được xuất bản từ từ

---o0o---

6.5 Tây Tạng

Tây Tạng là quốc gia mà trước khi bị Trung Quốc chiếm (1951) có hơn 99% dân số theo Phật giáo mà đa số là Mật tông. Thủ đô Tây Tạng là Lhasa và cũng là trung tâm Phật giáo quan trọng. Sau khi bị chiếm đóng, hàng chục ngàn chùa chiền bị tiêu huỷ và rất nhiều di sản quý liên quan tới Phật giáo ở đây bị cướp phá nghiêm trọng, và khoảng hơn 87,000 Phật tử Tây Tạng bị giết. Số di tích còn sót lại hiện nay thuộc về thành phố Lhasa



Điện Potala, Lhasa Tây Tạng

Lhasa Thành phố ở độ cao gần 3700 mét này có từ thế kỷ thứ 7 và ngay từ khi thành lập nó đã dung nạp Phật giáo. Hai địa danh còn giữ lại và được chính quyền Trung Quốc trùng tu cho mục tiêu du lịch là đền Jokhan và điện Potala

Chùa Jokhan (hay Đại Chiêu) ngày trước là trung tâm của bộ phái Shakya (Thích Ca) thuộc Mật tông. Trên đỉnh chùa có hình tượng bánh xe Pháp Luân. Ngôi chùa là một công trình kiến trúc khổng lồ với 3 tầng bên trong phủ đầy bởi các tượng Phật. Đáng kể nhất là tượng Jowo Shakya (Thích Ca khi 12 tuổi). Nơi này là trung tâm cho hàng trăm ngàn người Tây Tạng đến hành hương.

Điện Potala, nghĩa là "thánh địa Phật giáo", là nơi mà các Dalai Lama trú ngụ. Đây là một biểu tượng của Phật giáo Tây Tạng. Điện này được xây cất từ thế kỷ thứ 7. Dáng hiện tại của nó là kiến trúc đã trùng tu vào thời gian của Dalai Lama thứ 5. Điện này có 13 tầng cao 117 mét gồm gần 1000 phòng là nơi làm việc ngày xưa của chính quyền Tây Tạng.

---o0o---

6.6 Miến Điện

Miến Điện, nay là Myanmar, là một quốc gia mà Phật giáo đã truyền đến rất sớm. Phật giáo là quốc giáo của xứ này. Truyền thuyết cho rằng Phật giáo đã du nhập xứ này từ khi Phật Thích Ca còn sống, hai đệ tử là Tapussa and Bhallika đã mang được 8 sợi tóc của Phật về và hiện các di tích vẫn còn giữ

tại các chùa tháp. Dữ liệu được xác minh chắc chắn là các đoàn truyền giáo thời vua Asoka đã đến Miến Điện vào thế kỉ thứ 3 TCN. Hiện tại đa số Phật tử theo Thevarada.



Tháp Shwedagon tại Yangon Myanma, toàn thân tháp được dát vàng ước lượng lên đến 30 tấn

Yangon (hay Rangoon) và vùng phụ cận. Đây là trung tâm Phật giáo lớn còn giữ lại rất nhiều đền đài trong số này có:

Tháp Shwedagon: Ngôi đền lớn nhất tại đây toàn bộ được dát vàng và trang trí rất nhiều gỗ, đá quý. Chu vi của ngôi tháp là 1.420 feet và cao 326 feet. Xung quanh có 64 đền nhỏ. Truyền thuyết cho rằng đền này có hơn 2500 năm được xây từ thời Thích Ca còn tại thế. Độ cao nguyên thủy của ngôi đền là 66 feet nhưng sau nhiều lần trùng tu nó đã đạt được độ cao hiện tại.

Tháp Sule: Theo truyền thuyết thì đây là nơi chứa tóc Phật do hai đệ tử của Thích Ca Mâu Ni nên số tuổi của nó được cho là hơn 2000 năm. Tháp có tiết diện dạng bát giác, nhìn xa gần giống như một cái chuông đặt úp, cao 152 feet, lần cuối cùng nó được trùng tu vào thập niên 1880.

Đền Botataung (nghĩa là "một ngàn sĩ quan") được xây dựng gần như cùng lúc với đền Shwedagon. Đền cao 132 feet dùng thờ tóc Phật.

Thành phố Bago, 80 km bắc Yangon là nơi đóng đô của 42 vị vua triều đại Bago. Nơi này có những di tích quan trọng là:

Tượng đài Kyaik Pun là sự ghép của 4 hình tạc Phật khổng lồ nhìn về 4 hướng. Nằm gần đường nối Yangon-Bago. Tượng đài được xây bởi vua Zedi năm 1467 chưa bị huỷ hoại.

Chùa Shwemawdaw, đây là chùa cổ nhất Bago có hơn 1000 năm tuổi, cao 114 mét và có thờ hai cọng tóc Phật trong bảo tháp.

Trung Tâm Phật giáo Bagan, hay pagan. Thành phố cổ này thuộc vùng Trung Miến nằm về phía tả ngạn sông Irrawaddy. Đây là nơi được các nhà khảo cổ cho là có nhiều di chỉ nhất thế giới mà chính yếu là di chỉ Phật giáo. Các vua ở nơi đây từ thế kỉ 11 tới thế kỉ 13 đã cho xây hàng ngàn chùa tháp. Anawrahta (1044-1077), vị vua đầu tiên, trở thành một Phật tử phái Thevarada sau khi hành hương đến Sri Lanka và ông đã chuyển xứ Bagan theo Phật giáo. Đến năm 1287 thì triều đại này sụp đổ bởi quân Mông Cổ và thành phố Bagan bị xoá sổ.

Nhiều đền đài ở đây đặc trưng cho các kiến trúc Phật giáo. Tháp Shwezigon là tháp duy nhất phủ vàng trở thành kiểu mẫu cho nhiều đền tháp sau này.

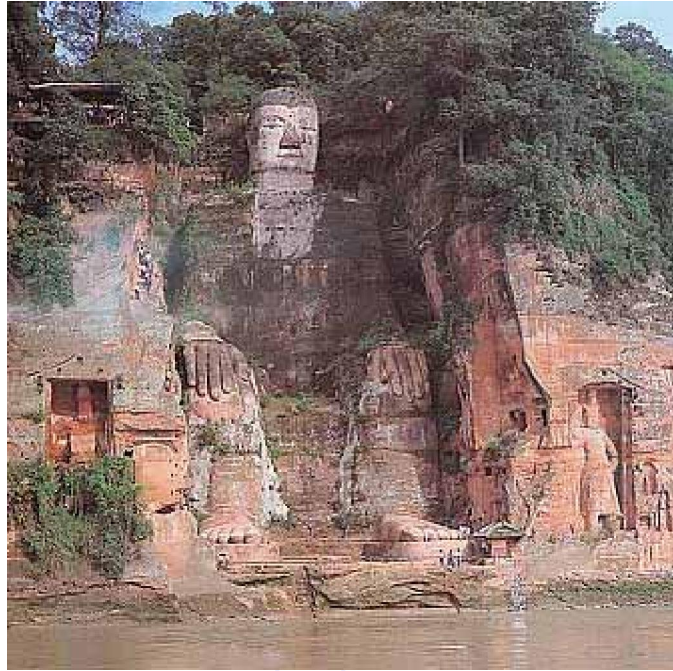
Đền Ananda, đây là một trong những ngôi đền còn nguyên vẹn nhất được xây bởi Kyansittha trong năm 1090. Nó là biểu tượng cho năng lực trí huệ vô biên của Phật. Ngôi tháp ở trung tâm khu đền có mặt cắt ngang hình vuông, độ cao 175 feet. Trong trung tâm của khối là 4 ảnh Phật cao 31 feet quay về bốn hướng chính: Kakusanda (Phật Ca La Tôn Đại) hướng bắc, Konagamana (Phật Kim Tịch) hướng đông, Kassapa (Phật Ca Diếp) hướng nam và Gotama (Phật Cồ Đàm) hướng tây.

Tháp Maha Bodhi, đây là ngôi tháp rập lại theo khuôn mẫu của tháp Bodhgaya và đã được đặt cùng tên "Bồ Đề Đạo Tràng" được xây trong triều vua Nadaungmya (1211-1234). Tương truyền, chính những người thợ xây tháp này đã được gửi sang Ấn Độ để phục hồi lại ngôi bảo tháp nguyên thủy Bodh Gaya.

Ngoài ra nơi đây còn có các tháp như là Bupaya (850), Nathlaung Kyaung (931), Nga-kywe-na-daung (khoảng thế kỷ thứ 9), Shwezigon Paya (cuối thế kỷ 11), Pahtothamya...

6.7 Trung Hoa

Phật giáo phát triển rất sớm ở Trung Hoa. Do địa bàn rộng lớn nên có nhiều di tích liên quan đến lịch sử Phật giáo. Đáng kể là:



Tượng Phật lớn nhất thế giới cao 71m được tạc trong núi đá từ 713, công trình mất 90 năm mới xong

Nhà thơ Tô Đông Pha, Một Phật tử đời Tống có viết bài thơ về Lô Sơn như sau

Lô sơn yên tỏa Chiết Giang triều,
Vị đáo bình sinh hận bất tiêu.
Đáo đắc bản lai vô biệt sự,
Lô sơn yên tỏa Chiết Giang triều.

鑪山煙鎖浙江潮

未到平生恨不消

到得本來無別事

鑪山煙鎖浙江潮

Dịch nghĩa: (theo Tuệ Sỹ):

Mù tủa Lô sơn sóng Triết giang
Khi chưa đến đó hận muôn vàn
Đến rồi về lại không gì lạ
Mù tủa Lô sơn sóng Triết giang

Chùa Thiếu Lâm (Shaolin), được xây khoảng năm 540. Nơi đây, sơ tổ phái Thiền tông Trung Hoa là Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) đã trụ trì và truyền đạo cho Huệ Khả cũng như dạy võ tăng cường sức khỏe cho những người phụ việc dịch kinh Phật trong chùa. Chùa xây trên một phần rừng còn lại sau khi cánh rừng này đã bị cháy (Thiếu Lâm có nghĩa là rừng non) trên núi Tung sơn (Songshan) tỉnh Hà Nam. Ngôi chùa sau này đã không còn giữ được tinh thần Phật giáo ban đầu bởi ảnh hưởng của Lão giáo. Ngôi chùa nguyên thủy đã hoàn toàn bị phá hủy trong thời gian nội chiến giữa quân đội Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông. Trước đó nó đã bị đốt cháy nhiều lần do chiến tranh.

Nga Mi Sơn (Emei) ở phía nam tỉnh Tứ Xuyên, dãy núi này có đến hàng trăm ngôi chùa và chùa lớn nhất kiến trúc bằng gỗ là Baoguo được xây vào thế kỷ 16. Phật giáo truyền tới Tứ Xuyên từ thế kỷ thứ 1. Truyền thuyết cho rằng núi Nga Mi là nơi tu luyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Pho tượng Phật lớn nhất thế giới cũng ở tại đây, nó được đục vào trong núi Lư sơn (Leshan) cao 71 mét được bắt đầu khởi công năm 713 và xong năm 803 (90 năm).

Ngũ Đài Sơn (Wutai), tỉnh Sơn Tây. Nơi đây từ đời nhà Hán (25-220), có nhiều ngôi chùa được đục vào trong núi. Nơi này được tin là chỗ mà Văn Thủ Bồ Tát hóa thân. Hiện nay vẫn còn khoảng 47 ngôi chùa còn nguyên vẹn. Tổng cộng có đến hàng trăm ngàn tượng và hình vẽ Phật lớn nhỏ. Hai ngôi chùa cổ quan trọng nhất ở đây là Nanchan (1200 tuổi) và Foguang (được bắt đầu xây từ thế kỷ thứ 7).

Cửu Hoa Sơn (Jiuhua) -- chữ Jinhua nghĩa là "9 toà sen" -- tỉnh An Huy, nơi này theo truyền thuyết là chỗ mà Địa Tạng Vương Bồ Tát hóa thân. Chùa cổ nhất nơi đây là Huacheng.

Phổ Đà Sơn (Putuo) nằm trên đảo nhỏ gần Thượng Hải thuộc tỉnh Triết Giang, là nơi Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện. Hai chùa lớn là Pháp Vũ Thiền Tự và Phổ Tế Thiền Tự

Động Đôn Hoàng (Dunhuang) tại tỉnh Cam Túc nằm trên con đường tơ lụa. Tại đây có vài chục thạch động mà bên trong được tạc tượng, vẽ tranh hay

kinh văn Phật giáo bằng nghiều thứ tiếng mà đa phần là tiếng Hán có từ thời Wei đến đời Song.

Tên của một hang động chính là Mogao (Mạc Cao) được Le Zun tìm thấy và khởi đầu việc tạc tượng Phật nhằm ghi nhớ lại sự việc ông ta thấy ánh hào quang như của nghìn vị phật phát ra tại đó.

Ngoài ra còn có động Long Môn (Lung-men) tại tỉnh Hồ Nam và động Vân Cương (Yungang hay Yun-Kang) tại tỉnh Sơn Tây (Datong) cũng có các kiến trúc hay nghệ thuật Phật giáo nổi tiếng.

---o0o---

6.8 Việt Nam

Có nhiều bằng chứng cho thấy Phật giáo du nhập vào Việt Nam vào thế kỉ thứ 1, sớm hơn cả Trung Hoa. Tuy nhiên, Việt Nam cũng như các nước lân bang khó tránh khỏi nhiều ảnh hưởng về văn hoá và truyền thống tôn giáo của Trung Hoa. Việt Nam đã trải qua rất nhiều cuộc chiến tranh với ngoại bang và những lần nội chiến đã có hệ quả tất yếu là hầu hết các công trình kiến trúc đặc sắc nói chung và Phật giáo nói riêng bị huỷ hoại phần lớn. Chưa kể ngay cả trong thời bình các phù điêu tượng khắc hay nghệ thuật cổ Phật giáo Việt Nam cũng đã bị thất thoát ra nước ngoài. Hiện tại các vùng còn lại những di chỉ quan trọng là:



Chùa Dâu tỉnh Bắc Ninh xây khoảng thế kỉ thứ 3, tại trung tâm Phật giáo Luy Lâu Việt Nam

Bắc Ninh với trung tâm Phật giáo Luy Lâu (hay Liên Lâu). Đây là trung tâm Phật giáo lớn của quận Giao Chỉ vào thế kỉ thứ 1. Còn sót lại tại đây có:

Chùa Dâu, còn có tên là Diên Ứng, ở làng Dâu. Ngôi chùa cổ nhất Việt Nam hiện nay, được xây vào đầu thế kỷ thứ 3. Cuối thế kỷ thứ 4, Thiền sư Tỳ-ni-đa-lưu-chi đã thuyết pháp tại chùa này, lập nên thiền phái đầu tiên ở Việt Nam. Chùa được ông Mạc Đĩnh Chi dựng lại với qui mô lớn vào thế kỷ 14, và trùng tu nhiều lần ở các thế kỷ sau.

Chùa Bút Tháp, có từ đời vua Trần Thánh Tông (1258-1278), xây lại vào năm 1646-1647 tức là thời nhà Hậu Lê - thế kỷ 17. Chùa có tên nguyên thủy ghi trên bia dựng vào năm 1646 là "Ninh Phúc Tự". Theo Phật sử Việt Nam thì thiền sư Chuyết Chuyết, người để lại nhục thân không bị thối rữa cho đến ngày nay, đã trụ trì tại chùa này (viên tịch năm 1644).

Chùa Phật Tích, nằm trên sườn nam núi Phật Tích, được khởi công vào năm 1057. Qua các cuộc chiến tranh chùa này đã bị hư hại nhiều lần và được nhiều lần trùng tu. Theo các tin tức gần đây (năm 2004-2005) thì nhục thân của thiền sư Chuyết Chuyết được đặt tại chùa này.

Hà Nội: (Tên cũ Thăng Long) Là thủ đô lâu đời của nước Việt, Phật giáo đã từng là quốc giáo nên nơi này một thời lâu dài là trung tâm Phật giáo lớn. Các di chỉ Phật giáo còn lại đáng kể là:

Chùa Trấn Quốc, đây là ngôi chùa cổ nhất Hà Nội. Tương truyền chùa được xây vào đời Lý Nam Đế (544-548) với tên gọi "Khai Quốc". Sau này, tên chùa thay đổi nhiều lần như "An Quốc" thời Lê Thánh Tông (1434-1442), "Trấn Quốc" năm 1628, "Trấn Bắc" năm 1844 và nay chùa Trấn Quốc. Chùa cũng đã có nhiều đợt trùng tu. Kiến trúc còn giữ được đến nay là từ cuộc trùng tu của vua Gia Long năm 1815, chùa chiếm diện tích hơn 3000 mét vuông.

Chùa Báo Ân, xây thời nhà Trần, là một trong những trung tâm lớn nhất của Thiền phái Trúc Lâm, nơi vua Trần Nhân Tông, các thiền sư Pháp Loa và Huyền Quang đều đã từng trụ trì. Ngôi chùa từng tồn tại trong một thời gian dài, từ thế kỷ 8 đến thế kỷ 15. Đến nay Chùa Báo Ân ở Gia Lâm hiện chỉ còn trong quy mô rất nhỏ.

Chùa Một Cột, tức chùa Diên Hựu nằm giữa Hà Nội. Theo truyền thuyết, vua Lý Thái Tông (1028-1054) nằm mộng thấy Phật Quan Thế Âm dắt vua lên tòa sen. Sau đó, Sư Thiền Tuệ khuyên vua xây chùa, dựng cột đá giữa ao, đặt tòa sen của Phật trên cột như đã thấy trong chiêm bao. Đó là vào năm 1049. Chùa Một Cột đã bị phá huỷ và được trùng tu nhiều lần trong lịch sử. Đài hình vuông, chiều dài mỗi cạnh 3 mét, mái cong, dựng trên một cột cao

4 mét, đường kính 1,20 mét gồm 2 trụ đá ghép chồng lên nhau liền thành một khối.

Quảng Ninh: Núi Yên tử thuộc tỉnh này đã là nơi Phát xuất của phái thiền Yên Tử. Nơi đây là một quần thể nhiều chùa trong đó có chùa Hoa Yên (tên cũ là Vân Yên - thế kỉ 13) nơi mà các tổ phái Yên Tử trụ trì. Ngôi tháp nổi trội nhất là Tháp Tổ, bằng đá, 6 tầng. Còn lại là các chùa Quỳnh Lâm, Long Động, Giải Oan, Bảo Sái, Một Mái và chùa Đồng là chùa cuối nằm trên đỉnh Yên Tử.

---o0o---

Hà Tây:

Chùa Đậu. Tương truyền chùa có từ đầu công nguyên, nhưng theo văn bia ở chùa thì chùa được dựng từ đời nhà Lý, theo kiểu "Nội công ngoại quốc". Chùa còn lưu lại nhiều di vật và đồ thờ cổ có giá trị như đôi rồng đá, khánh, chuông... Đặc biệt, trong chùa có hai pho tượng là nhục thân của hai vị thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường đã trụ trì chùa vào khoảng thế kỷ 17.

Chùa Thầy, còn được gọi là chùa Cả, tọa lạc ở chân núi Sài Sơn. Chùa được dựng từ đời vua Lý Nhân Tông (1072-1128). Lúc đầu chùa chỉ là một thảo am nhỏ của thiền sư Từ Đạo Hạnh. Sau đó, được mở rộng ra. Chùa xây theo hình chữ "Tam" có ba lớp: Chùa Hạ, chùa Giữa, chùa Thượng. Lớp ngoài cùng là nơi tế lễ, lớp giữa thờ phật, lớp trong cùng thờ sư Từ Đạo Hạnh.

Di chỉ văn hoá Óc-eo: Khu vực văn hoá Óc-eo trải rộng nhiều tỉnh miền Tây và Đông Nam bộ, các di chỉ khai quật được xác định là từ thế kỉ thứ 1 đến thế kỉ thứ 7. Trong số các di vật tìm thấy có nhiều tượng Phật gỗ chứng tỏ Phật giáo đã du nhập vào khu vực này từ rất sớm bằng đường biển.

---o0o---

6.9 Triều Tiên

Đạo Phật được truyền sang Triều Tiên khoảng cuối thế kỷ thứ 4 (năm 372). Do lịch sử phát triển đặc thù, tại đây có mặt đủ các tông phái lớn Thevarada, Mahayana (kể cả Zen) và Vajrayana. Hiện nay, có đến 90% dân chúng theo Phật giáo. Các di tích ở đây rất nhiều nhưng cũng bị tàn phá do chiến tranh hay do sự cấm đoán hoạt động như là dưới triều Joseon (1395-1910). Hơn nữa từ đầu thế kỷ 20 ở Bắc Hàn, do chính sách tiêu diệt tôn giáo, các công

trình Phật giáo ở nơi này đã hoàn toàn bị huỷ hoại. Nam Hàn ngày nay có khoảng 90% dân theo Phật giáo và có đến hàng chục ngàn chùa chiền. Do đó, rất khó để liệt kê hay đánh giá hết các công trình quan trọng ra. Ở đây chỉ hạn chế vài kiến trúc Phật giáo tiêu biểu.

Nhóm chùa Tam Bảo bao gồm

Tongdosa: nằm trên đường nối hai thành phố Ulsan và Busan có từ giữa thế kỷ thứ 7 (năm 646). Đây là ngôi chùa quan trọng nhất ở bán đảo Triều Tiên được sư Jajang-yulsa khởi công. Chữ "Tongdosa" theo tiếng Triều Tiên có nghĩa là "vượt qua để giác ngộ". Chùa có lưu giữ một số mảnh xương Phật (Xá Lợi Phật) trong ngôi tháp chính. Trước đây, nó đã từng có đến hàng trăm công trình xây dựng nhỏ và hàng ngàn sư cư ngụ. Sau đó, bộ phận lớn của chùa đã bị huỷ hoại do quân Nhật trong thế chiến thứ 2, ngoại trừ toà tháp Daeungjeon. Lần cuối chùa được tu sửa là vào đầu thế kỷ 17. Người ta thường gọi đây là "chùa không Phật" vì nó không có bất kì tượng Phật nào ở các cửa ra trong tầng trệt. Đối với người Triều Tiên thì đây là "Bảo tự thứ nhất của Hàn Quốc" (Korea's first Jewel Temple) hay Phật Bảo tự.

Haeinsa: ở Đông Nam Daegu, xây năm 802, được gọi là Pháp Bảo tự (Dharma). Nơi này có chứa các bộ kinh điển Đại thừa (Mahayana) gọi là "Triều Tiên Tam Bảo Kinh" (Tripitaka Koreana) nguyên vẹn nhất thế giới bao gồm 52 triệu Hán tự (chữ cái Trung Hoa) được khắc vào trong 81.258 khối gỗ và được làm vào thế kỷ thứ 13. Chùa là trung tâm chính của "Hoa Nghiêm Tông" (Avatamsaka hay Garland Sutra).

Songgwangsa: nằm về phía Đông Gwangju, ban đầu chỉ là một chùa nhỏ thời Silla. Đến cuối thế kỷ 12 thì được sư Chinul mở rộng ra thành trung tâm thiền và được người Triều Tiên mệnh danh là Tăng Bảo Tự. Chữ Songgwangsa có nghĩa là "thiền". Chùa có hơn 50 thiền đường cho tăng và 30 cho ni. Đây cũng là Trung Tâm thiền quốc tế đầu tiên của Triều Tiên do thiền sư Kusan sáng lập.

Bulguksa: Được xây vào năm 535 với tên gọi cũ là Hwaeombeomnyusa. Ngôi chùa nằm phía Đông Daegu trên núi Doham gồm hơn 80 toà nhà cùng với hai ngôi đền lớn là Shakyamuni và Tabotap. Tại đây có chứa bản in cổ nhất thế giới là Tịnh Quang Đà La Ni kinh (Pure Light Dharani Sutra). Chữ Bulguksa có nghĩa là "đất Phật". Ngoài ra ở đây cũng có pho tượng Phật thiền Seokguram có khoảng 1250 năm lịch sử. Chùa bị đốt năm 1592 bởi

quân đội Hideyoshi Toyotomi. Ngôi chùa hiện tại trùng tu trên nền móng ngôi chùa cũ vào thập niên 1970.



Tượng Phật Dược Sư nằm trên đỉnh núi Gwanbong

Ngoài các công trình Phật giáo kể trên, ở Triều Tiên còn có các kiến trúc Phật giáo khác không phải là các ngôi chùa như:

Sinse-dong: tháp 7 tầng (xây vào khoảng thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 10), nằm ở ngoại ô Andong, là ngôi tháp bằng đá lớn nhất của Triều Tiên. Tháp cao 7,75 mét được trang trí theo cung cách 8 người bảo vệ của Phật giáo. Thân tháp làm bằng những viên đá xám cỡ 24x14x6 cm chiếm 7,75 mét vuông.

Tượng Phật Dược Sư (Gatbawi Buddha): được tạc vào thế kỷ thứ 9, nằm trên đỉnh núi Palgongsan (hay Gwanbong) ở Daegu. Điểm đặc biệt là tượng Phật có đội nón dạng bất thường dày khoảng 15 cm và trên tay có cầm một siêu thuốc chữa bệnh tượng trưng cho việc đẩy lui ma đạo. Pho tượng ngồi, cao khoảng 4 mét. Đây là một trung điểm du lịch vì cảnh trí đẹp. Để đến nơi du khách phải mất ít nhất 1 giờ leo bộ

6.10 Thái Lan

Nhiều người tin là Phật giáo đã truyền tới Thái Lan trong thời gian vua Asoka ở Ấn đưa người đi truyền giáo vào thế kỷ thứ 3 TCN. Một cách chắc chắn thì Phật giáo và Ấn Độ giáo đã đến đây qua các ngõ giao thương đường biển hay qua các nước lân bang như Miến Điện và Campuchia vào thế kỷ thứ 6. Ngày nay, có đến 94% dân Thái theo Phật giáo. Các di tích ở đây rất nhiều nhưng đa số được xây sau thế kỉ 14. Những công trình hay trung tâm có giá trị lịch sử lớn bao gồm:



Tháp Phật giáo lớn nhất Phra Pathom, Nakhon Pathom, Thái

Phra Pathom Chedi thuộc tỉnh Nakhon Pathom, 56 km tây Bangkok. (Chữ chedi có nghĩa là "tháp"). Nakhon Pathom được xem là nơi xuất phát đạo Phật đầu tiên ở Thái. Ngôi tháp Phra Pathom cao 120 m với đáy tròn bán

kính 233,5 m. Tháp hiện nay là được khởi công trong thời vua Mongkut Rama IV (1804-1868) trong vòng 17 năm nhằm bao bọc cho một tháp nhỏ hơn được cho là có từ hơn 2000 năm tuổi. Đây là tháp lớn nhất thế giới.

Wat Mahathat (chữ wat có nghĩa là "đền" hay "chùa"). Đây là công trình kiến trúc tiêu biểu cho ảnh hưởng của văn hoá Khmer (giai đoạn nghệ thuật Tích Lan). Khu đền nằm ở trung tâm thành phố Sukhothai thuộc về Ayutthaya có tổng cộng hơn 200 ngôi tháp. Cứ mỗi ngôi tháp lớn dạng đài sen sẽ được vây quanh bởi 8 tháp nhỏ hơn. Đền này có lẽ xây vào năm 1374, nơi đây ngày trước được dùng để thờ mảnh xương Phật. Ngày nay thì tháp trung tâm đã bị đổ nát do thời gian.

Ngoài ra, tại Ayuttaya còn có các đền Phật nổi tiếng là Phra Si Sanphet (xây năm 1448 với 3 ngôi tháp hình chuông úp là biểu tượng cho Ayuttaya), Ratchaburana (xây vào thế kỉ 15), và Lokaya Sutha (chưa xác định chính xác niên đại).

Trung tâm Phật giáo Haripuchai, ngày nay thuộc về thành phố Chiang Mai. Đây là trung Phật giáo lớn của Thái khoảng 1000 năm trước. Hiện tại còn lại rất nhiều chùa tháp. Trong số đó, có tháp Wat Chiang Man dựng năm 1306. Bên trong đền đặc biệt có một bức tranh Phật được cho là mang về từ Tích Lan 2000 năm trước đây và một tượng Phật bằng tinh thể (crystal) lấy về từ Lopburi có khoảng 1800 năm tuổi.

Ngoài ra, trung tâm Haripuchai còn các các đền Phật khác như là: Chedi Luang (xây năm 1391), Chet Yot (xây cuối thế kỷ 15), Doi Suthep (xây năm 1386), Phra Sing (xây năm 1345) và Wat Suan Dok (xây vào thế kỷ 16).

---o0o---

6.11 Campuchia

Một số thuyết cho rằng đạo Phật đã du nhập vào xứ Campuchia vào thế kỉ thứ 3 TCN do kết quả của việc gởi các nhà truyền đạo Phật giáo đi khắp nơi của vua Asoka. Tuy nhiên, thuyết đáng tin cậy hơn là đạo Phật đã du nhập cùng lúc với đạo Bà La Môn qua việc mở rộng giao thương với Ấn Độ sớm nhất là vào thế kỷ thứ 1 TCN. Nhưng lúc đó đạo Bà La Môn đã hưng thịnh hơn đạo Phật trong suốt thời gian dài của triều đại Funan. Đến thế kỷ 12, vua Jayavarman II đã cho xây dựng ngôi đền Hindu khổng lồ Angkor để thờ thần Vishnu. Đền này mở rộng thành Angkor Wat. Nhưng đến triều vua

Jayavarman VII, trị vì từ 1181 đến 1215, Phật giáo đã gần như thay thế hoàn toàn vai trò của Ấn Độ giáo và vua Jayavarman VII đã xây một đền Phật giáo rất lớn là Angkor Thom ở gần đền Angkor Wat, đã bị làm hư hại bởi quân đội Chăm.



Cổng đền Angkor Thom -- sự pha trộn văn hoá Hindu vào một kiến trúc Phật giáo ở Kampuchia

Angkor Thom là một công trình Phật giáo lớn nhất ở Campuchia được xây vào cuối thế kỷ 12, nay thuộc về tỉnh Siem Reap. Nó có đặc điểm là chịu rất nhiều ảnh hưởng của kiến trúc Bà La Môn. Ngay sau khi xây xong ít lâu thì công trình Angkor lại bị sự tấn công, đốt phá và chiếm đóng của quân Chăm. Đền này có hào nước bao bọc rộng 100 mét cặp theo bốn vách tường cao 8 mét làm thành một khu vực hình vuông mỗi cạnh khoảng 3 km theo các hướng chính. Các cổng lớn được trở ngay trung điểm của các bức tường cho các hướng Tây, Nam và Bắc có các cầu bắc qua. Riêng hướng Đông có hai

cổng vào. Các đường dẫn tới cổng vào có các dãy 54 hình tượng bằng đá.

---o0o---

6.11 Nhật Bản

Đạo Phật chính thức du nhập vào Nhật Bản từ thế kỉ thứ 6. Hai trung tâm Phật giáo tại đây là cố đô Nara, Kyoto, và Tokyo



Vườn sỏi kiến tạo do thực hành thiền - chùa Ryoan-ji Nhật

Nara nằm ở điểm cuối của con đường tơ lụa (the Silk Road) với các chùa: Horyu-ji xây năm 607, đây là chùa cổ nhất bằng gỗ còn sót lại trên thế giới. Thiên tai đã huỷ đi phiên bản đầu tiên của chùa. Nó được xây lại vào khoảng 710. Gian tháp chính của nó có đến 5 tầng.

Chùa Kokufuji xây năm 730, có tháp năm tầng bằng gỗ cao nhất nước Nhật (50 m), trùng tu năm 1426 và chùa Todaiji (760).

Kyoto tập trung khá nhiều chùa cổ nhưng đa số xây từ thế kỷ 14 trở đi. Quan trọng là các chùa Kiyomizudera (dựng khoảng 798, trùng tu lại năm 1633), Ninnaji (xây năm 888, trùng tu nhiều từ thế kỷ 17 trở đi), Byodoin (1053) và chùa Ryoan-ji, dựng năm 1450, nổi tiếng với vườn sỏi kiến tạo do việc thực hành thiền, chùa Chionin của Tịnh Độ tông dựng năm 1234 nhưng phiên bản còn lại xây từ thế kỉ 17.

Tokyo với chùa quan trọng nhất là Sensoji (từ thế kỷ thứ 7), được xây dựng do việc 3 ngư phủ tìm thấy ảnh nhỏ của Quan Thế Âm Bồ Tát (Kannon) trong lưới của họ.

---o0o---

7. Phật giáo ngày nay

Theo số liệu thống kê của Adherents thì số người theo đạo Phật trên toàn thế giới là 376 triệu (vào năm 2005), chiếm khoảng 6% dân số thế giới.

Cũng theo thống kê Adherents, 10 nước có đông người theo Phật giáo nhất là:

Trung Quốc 102,000,000 người
Nhật Bản 89,650,000 người
Thái Lan 55,480,000 người
Việt Nam 49,690,000 người
Myanma 41,610,000 người
Sri Lanka 12,540,000 người
Hàn Quốc 10,920,000 người
Đài Loan 9,150,000 người
Campuchia 9,130,000 người
Ấn Độ 7,000,000 người

---o0o---

Đạo Phật ở các nước Tây phương

Hoa Kỳ: Theo World Almanac năm 2004 có khoảng 2-3 triệu người theo đạo Phật. Đạo này đứng hàng thứ 5 ở đây. Tỷ lệ tăng số người theo đạo từ 1990 đến 2000 là 170%.

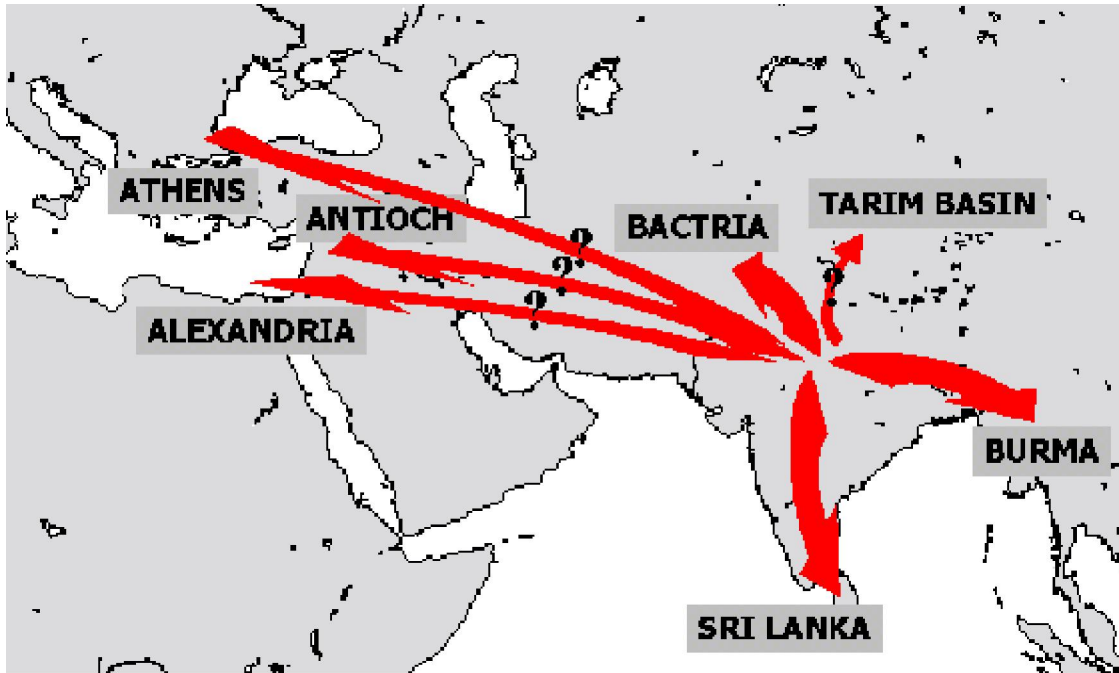
Theo Australian Bureau of Statistics của Úc thì số người theo đạo Phật có tỷ lệ tăng nhanh nhất nước này từ 1996 đến 2001 (hơn 150%). Năm 2002 có đến hơn 360,000 người theo Phật giáo.

Theo Pluralism Project thì trong năm 1997 ở Pháp có khoảng 650,000 và ở Anh có 180,000 tín đồ Phật giáo.

---o0o---

8. Tóm tắt các diễn biến trong lịch sử Phật giáo

Sự phát triển của Phật giáo thời vua Asoka



566-486 TCN: Siddhartha Gautama đản sinh. Những nhiên cứu gần đây cho rằng Phật ra đời khoảng 490-410 TCN. Do đó, thời gian tính trong 500 năm đầu kể từ khi ra đời của Phật giáo sẽ không được chính xác, sự kiện chỉ ghi lại khoảng chừng.

530 TCN: Thích Ca giác ngộ (ở tuổi 36) và thuyết pháp trong khoảng 45 năm.

486 TCN: Thích Ca tịch diệt.

486 TCN: Hội nghị kết tập kinh điển lần I ở Rajagrhaha khoảng 500 tỉ khu, do Mahakassapa chủ trì nhằm góp nhặt lại các bài giảng của Thích Ca. Hình thành Giới tạng và Kinh tạng.

Khoảng 443-379 TCN: Hội nghị kết tập kinh điển lần II ở Vesali, bàn về một số điểm dị biệt trong giới luật đã nảy sinh.

297 TCN: Vua Asoka (274-236 TCN) cải đạo sang Phật giáo; đạo Phật phát triển thành một quốc giáo và bắt đầu lan truyền ra khỏi Ấn Độ.

250 TCN (308 TCN?): Hội nghị kết tập lần thứ III dưới sự bảo trợ của vua Asoka ở Pataliputra, Ấn Độ. Chủ trì bởi Moggaliputta Tissa. Bàn thảo và

ngăn ngừa sự phân hoá trong giáo pháp. Lần đầu tiên ra đời đủ Tam tạng kinh. Các nhà truyền giảng Phật giáo được vua Asoka gửi tới Tích Lan (Ceylon, nay là Sri Lanka), Kanara, Karnataka, Kashmir, vùng Hy Mã Lạp Sơn, Miến Điện (Burma, nay là Myanma), Afghanistan, ngay cả đến Ai Cập, Macedonia và Cyrene.

240 TCN Tích Lan: Thành lập cộng đồng Theravada đầu tiên. Công chúa Sanghamitta, con vua Asoka, thành công chiết nhánh cây bồ đề, chỗ Phật thành đạo, về trồng tại Tích Lan.

94 TCN Tích Lan: Kỳ kết tập kinh điển lần thứ IV của Theravada ở mũi Aloka trong thành Malaya.

Năm 35 Tích Lan: Hình thành sự phân phái giữa Mahavira và Abhayagiri Vihara ở Tích Lan.

Năm 65 Trung Quốc: Di chỉ sớm nhất chứng tỏ Phật giáo thâm nhập vào Trung Hoa.

Thế kỉ thứ 1: Kỳ kết tập lần kinh điển lần VI tại Jalandhar, Ấn Độ được vua Kaniska bảo trợ. Các nhà sư từ Tích Lan truyền Phật giáo Theravada đến Thái Lan và Miến Điện. Đạo Phật xuất hiện tại Việt Nam cũng ở thời điểm này.

Cuối thế kỉ thứ nhất: Đạo Phật đến Campuchia.

Thế kỉ thứ 2: Năm 200 ở Ấn Độ, Đại học Phật giáo ở Nalanda ra đời và trở thành trung tâm Phật học của thế giới hơn 1000 năm (có tài liệu cho rằng đại học này ra đời vào đầu thế kỉ thứ 5). Cùng thời gian này hình thành phái Mahayana bắt đầu tách ra từ Theravada.

Hậu bán Thế kỉ thứ 2: Đạo sư Nagarjuna (Long Thọ); được biết đến do các thuyết giảng về tính không. (Thật sự tính không đã được Thích Ca giảng dạy cho Ananda từ khi còn tại thế nhưng tới đạo sư Long Thọ thì khái niệm này được làm nổi bật lên và cũng định nghĩa rõ hơn về Mahayana).
Thế kỉ thứ 3: đạo Phật lan tới Ba Tư (Persia) qua ngõ buôn bán.
Năm 320: Phái Vajrayana hình thành và phát triển ở Ấn Độ từ cơ sở Mahayana.

Thế kỉ thứ 4: Đạo sư Vasubandhu (Thế Thân) làm nổi bật khái niệm "duy tâm" (mind-only) và niệm Phật A Di Đà (Amitabha) cho sự tái sinh miền Tịnh Độ (Pure Land). Tịnh Độ tông hình thành từ thời gian này. Ở Nepal hình thành sự tồn tại giữa hai đạo Phật giáo và Ấn giáo.

334-416: Sư Huệ Viễn (Hui-yuan), đem Tịnh Độ tông vào Trung Hoa (Bách Liên Hội).

372: Phật giáo thâm nhập đến bán đảo Triều Tiên.

390: Phái Pháp Hoa ra đời tại Trung Hoa.

Thế kỉ thứ 5: Mahayana du nhập vào Indonesia và Philippines.

499: Nhất Thiết Hữu Bộ Tông (Sarvāstivāda) hình thành ở Ấn Độ. (Có tài liệu cho rằng Nhất thiết hữu bộ hình thành ngay sau lần Kết tập Kinh điển thứ II.)

526: Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) từ Ấn Độ đến Trung Hoa. Ông là sơ tổ của Thiền tông (Ch'an hay Zen) và tổ sư của phái võ Thiếu Lâm.

552: Đạo Phật đến Nhật Bản và trở thành quốc giáo.

Thế kỉ thứ 6: Thiên Thai tông (T'ien T'ai) được sư Trí Giả (Chih-I) thành lập.

641: Đạo Phật du nhập vào Tây Tạng (Tibet).

Nửa sau thế kỉ thứ 7: Sư Pháp Tạng (Fa-tsang) thành lập phái Hoa Nghiêm.

Cùng trong cuối thế kỉ thứ 7: Thiền sư Huệ Năng phát triển Thiền tông mạnh ở Trung Hoa. Trong khi đó, ở Kashmir và Tây Tạng Mật tông phát triển mạnh.

Từ năm 713: Nhiều Thiền phái hình thành trong đó có Lâm Tế (Lin-Chi) với khái niệm đốn ngộ và công án (koan), Tào Động (Tsao-t'ung).

Thế kỉ thứ 8: Cổ Mật tông ra đời tại Tây Tạng.

Thế kỉ thứ 9: Chân Ngôn tông (Shigon) ra đời ở Nhật từ đạo sư Kukai.

Từ giữa thế kỉ thứ 9: Angkor Wat được xây dựng ở Campuchia. Đạo Lão phát triển mạnh làm ảnh hưởng nhiều đến đạo Phật ở đó. Trong khi đó, đạo Hồi đã bắt đầu thay thế cho đạo Phật ở nhiều nơi.

Thế kỉ 11 tới thế kỉ 13: Ở Ấn Độ đạo Hồi đã thâm nhập mạnh; những người cực đoan đã tiêu huỷ nhiều kiến trúc cũng như tổ chức Phật giáo. Năm 1193 họ chiếm Magahda tàn phá các công trình và các đại học Phật giáo như Nalanda và Vikramasila.

Thế kỉ 13: Đạo Phật phát triển nhiều tông phái ở Nhật đặc biệt là các phái Thiền tông (Tào Động và Lâm Tế) cũng như Tịnh Độ tông. Nhật Liên tông cũng ra đời tại đây do đạo sư Nichiren Daishi (1222-1282). Cũng trong giai đoạn này, Phật giáo Theravada du nhập tới Lào, Phật giáo Tây Tạng thâm nhập vào Mông Cổ.

Thế kỉ 14: Gelugpa (phái Nón Vàng) hình thành ở Tây Tạng do Tsong-kha-pa.

Thế kỉ 15: Sự ra đời của nhiều giáo phái Ấn giáo đánh dấu sự suy tàn cuối của Phật giáo tại Nam Á. Ở Tây Tạng thì dòng Dalai Lama (Đạt Lai Lạt Ma) bắt đầu.

Thế kỉ 16: Bồ Đào Nha chiếm Tích Lan, đạo Phật không còn là quốc giáo và hầu như bị biến mất do hệ quả của các hành động phân biệt tôn giáo như phá huỷ chùa chiền để dựng nhà thờ, hầu hết các sư sãi phải đào tị. Mãi cho đến thế kỉ 17, với ảnh hưởng của Hà Lan thì đạo Phật mới bắt đầu du nhập lại nơi này từ Miến Điện. Cũng trong thời gian này, thiền phái Obaku được ra đời do đạo sư Ingen (1592-1673). (Tuy nhiên có tài liệu cho rằng Obaku được sư Yin-Yuan Lung-ch'i (Ấn Nguyên Long Khí)- nguyên thuộc phái Lâm Tế - sáng lập từ 1654 tại Nhật.

1862: Lần đầu tiên Kinh Pháp cú (Dhammapada) được dịch ra tiếng Đức.

1871: Bắt đầu kỳ kết tập kinh điển lần thứ V ở thủ đô Miến Điện là Mandalay. Kinh điển Pali đã được khắc trên 729 phiến đá hoa cương.

Cũng trong giữa sau thế kỉ 19, khi xuất hiện cộng đồng người Hoa tại Bắc Mỹ thì đạo Phật cũng thâm nhập vào đây và một phần của kinh Liên Hoa được dịch ra tiếng Anh.

Năm 1905: Đạo sư Soyen Shaku là người đầu tiên dạy Thiền tại Bắc Mỹ.

Từ năm 1920: Chủ nghĩa cộng sản công khai tìm cách dẹp bỏ tôn giáo đặc biệt bắt đầu là đạo Phật tại Mông Cổ.

1950: Trung Quốc chiếm Tây Tạng bắt đầu công việc đàn áp phá huỷ các chùa chiền Phật giáo ở đây. Đến 1959 thì vị Dalai Lama của Tây Tạng phải tị nạn tại Ấn Độ và Phật giáo Tây Tạng lại được phát triển mạnh ở các nước Tây phương. Sau đó Dalai Lama được giải Nobel hoà bình năm 1989.

1954: Hội nghị kết tập kinh lần thứ VI tại Miến Điện ở Ngưỡng Quảng (Rangoon).

1966: Tu viện Theravada đầu tiên xây dựng ở Hoa Kỳ.

---o0o---

9. Tài liệu Tham khảo

Tiếng Việt

Lịch sử kết tập kinh luật -- Thích Phước Sơn

Phật Giáo Khắp Thế Giới. Thích Nguyên Tạng

Sơ lược lịch sử Phật giáo Ấn độ sau thời đức Phật -- Thích Tâm Hải

Cảm Nang Du Lịch Chấm Com

Kinh đô cổ nước Việt: Dấu tích những đô thị cổ

CÁC HANG THỜ PHẬT NỘI TIẾNG TRÊN THẾ GIỚI - Văn Hưng

Hành hương Trung Quốc

Hang Mạc Cao Đôn Hoàng - Trung Quốc

Những Thánh Địa Phật Giáo tại Ấn Độ -Thích nữ Minh Tâm dịch

TINH HOA và SỰ PHÁT TRIỂN của ĐẠO PHẬT - Edward Conze

Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển các tông phái Phật giáo Trung Quốc -- Thích Tâm Khanh
LỊCH SỬ KẾT TẬP PHÁP TẠNG LẦN THỨ V - VI - Thích Phước Sơn
Thăng Trầm Của Phật Giáo Tại A-Phủ-Hãn -Đặng Tấn Hậu
Xã Hội Ấn Độ Trước Khi Phật Ra Đời -- Thích Thiên Tâm
Phật giáo và Văn Hóa Ấn Độ --Dr. Bimlendra Kumar
Đạo Phật Nguyên Thủy và Đạo Phật Đại Thừa - W. Rahula
Đại Cương Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới -- Andrew Skilton

---o0o---

Tiếng Anh

The History of Buddhism -- Dr. C. George Boeree -- Shippensburg University
History of Buddhism của trang about Buddhism Timeline
Dictionary of the History of Ideas
Timeline of Buddhist history
The Buddhist Hand Book - A Complete Guide to Buddhist Schools, Teaching, Practice, and History. John Snelling. Barnes & Nobles. 1998. ISBN 0760710287
Buddhism and Hinduism
Historical Sketch of Buddhism and Islam in Afghanistan
Sacred Island - A Buddhist Pilgrim's Guide to Sri Lanka
Buddhism and Its Spread Along the Silk Road
History of the Shaolin Temples
Travel China Guide
Pagan, Myanmar
Bagan (Pagan)
Buddhism in Myanmar A Short History - Roger Bischoff
Myanmar travel information
Korean Buddhism
Survey of Korean Buddhism and Temples - Brian Barry
Asian Historical Architecture
The Buddhist World
HISTORY OF BUDDHISM IN KINGDOM OF CAMBODIA
History of Cambodia
Angkor History
Angkor Thom

Lưu ý: bài viết này đã được tác giả khởi đăng trên wikipedia.org với vài chi tiết nhỏ khác nhau

Namo shakymuni

Làng Đậu

---o0o---

HẾT